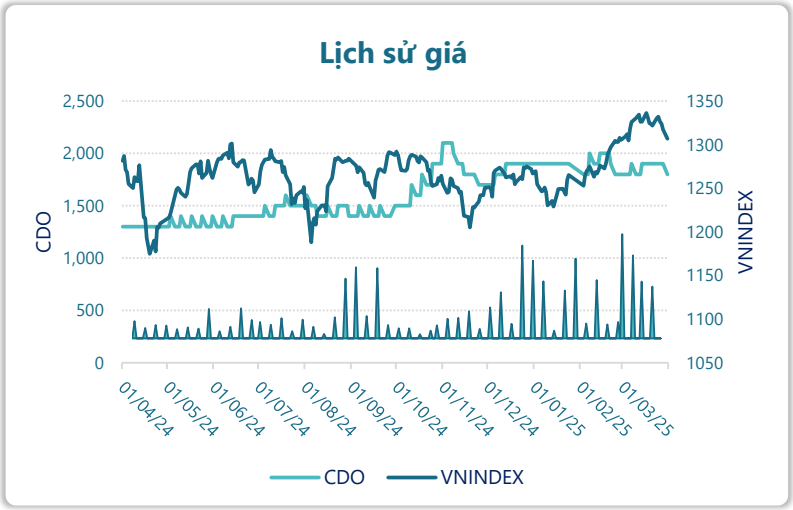
FireAnt

CTCP Tư vấn thiết kế và Phát triển đô thị (UPCOM: CDO)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**1,800**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	2,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,300
SL cổ phiếu LH	31,504,975
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,205
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	57
P/E	-50.0
EPS	-36

DT thuần

Q1/25

5.52

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.01| 0.1%

YoY: ▼0.23| -4.1%

LN sau thuế

Q1/25

-0.22

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.33| -110%

YoY: ▲ 0.74| 77.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

-8.7%

+/- YoY: ▲ 41.1%

DT thuần

2024

22.2

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.50| 2.2%

LN sau thuế

2024

-1.93

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 8.87| 82.2%

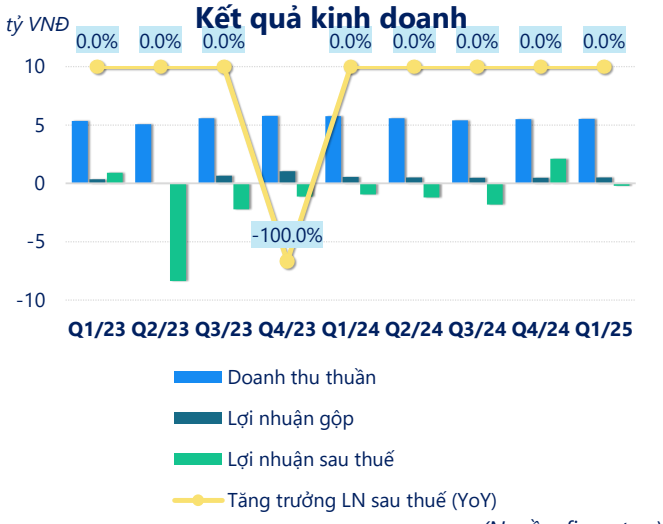
ROE

2024

-0.9%

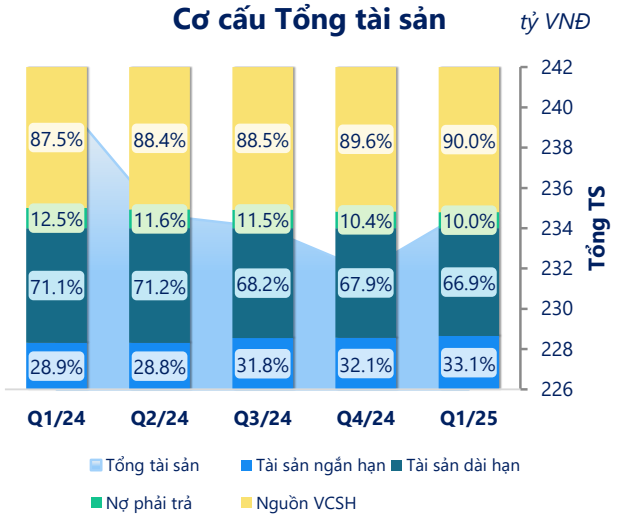
+/- YoY: ▲ 4.0%

Kết quả kinh doanh



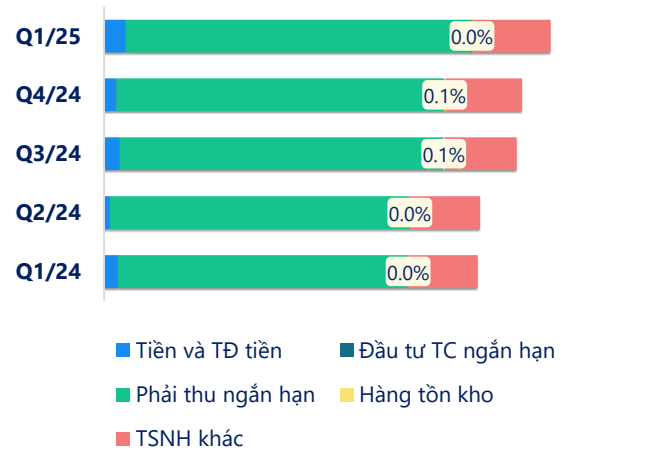
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



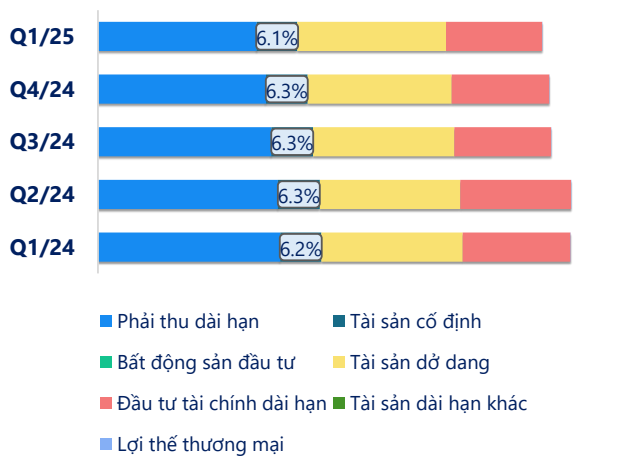
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



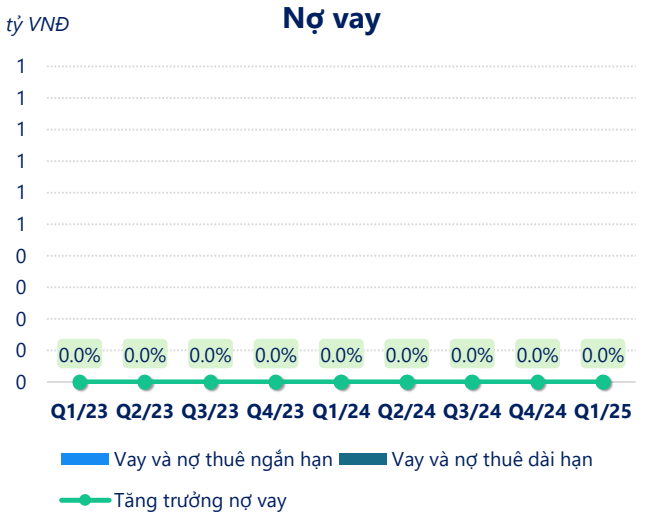
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



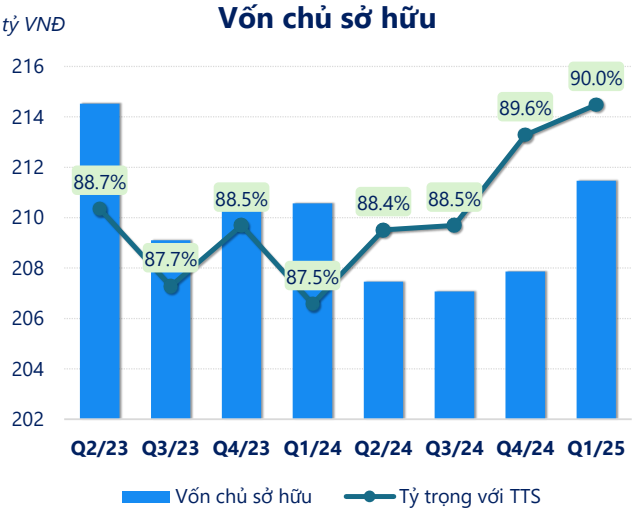
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



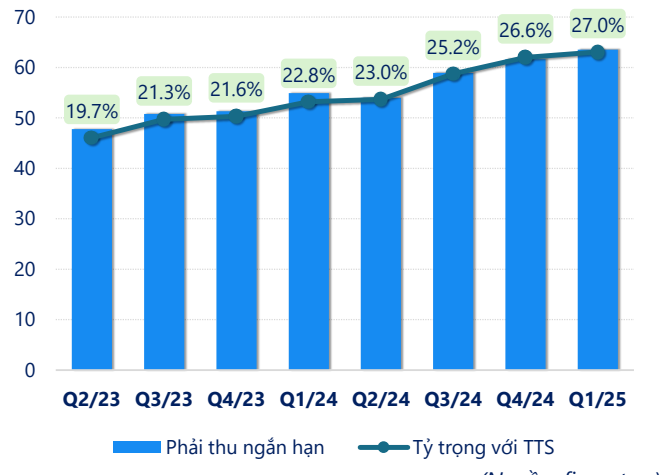
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



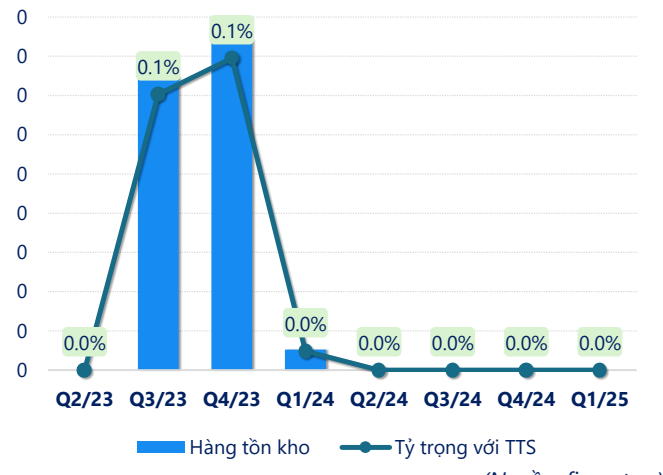
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



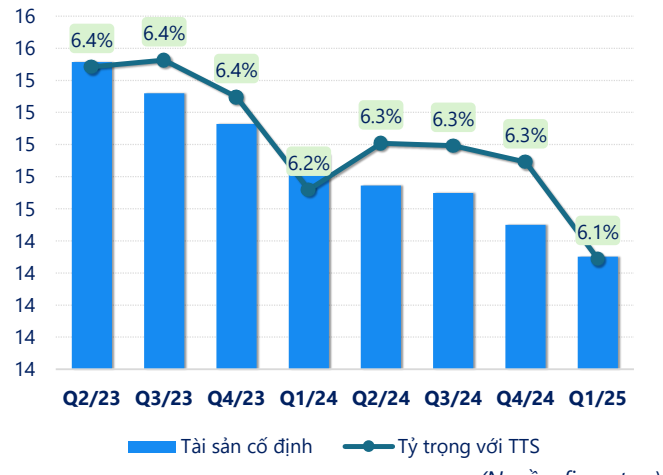
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



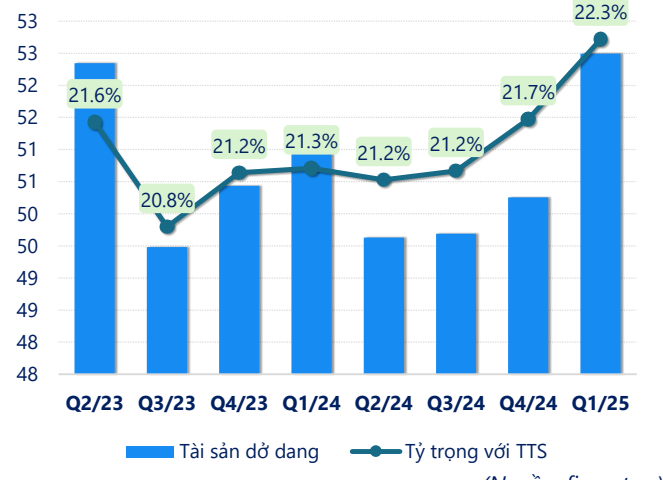
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



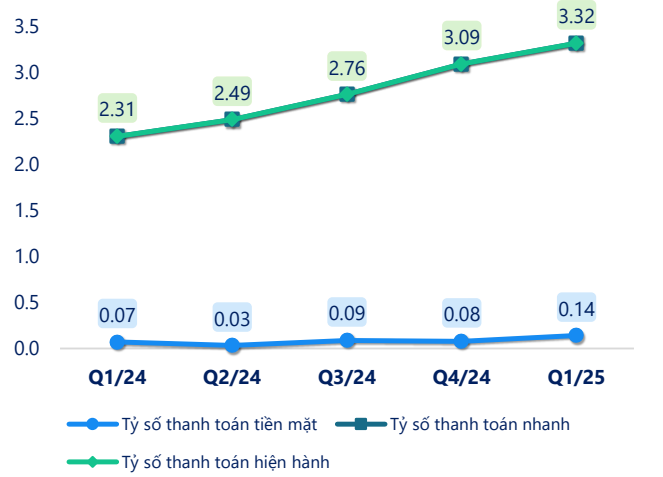
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



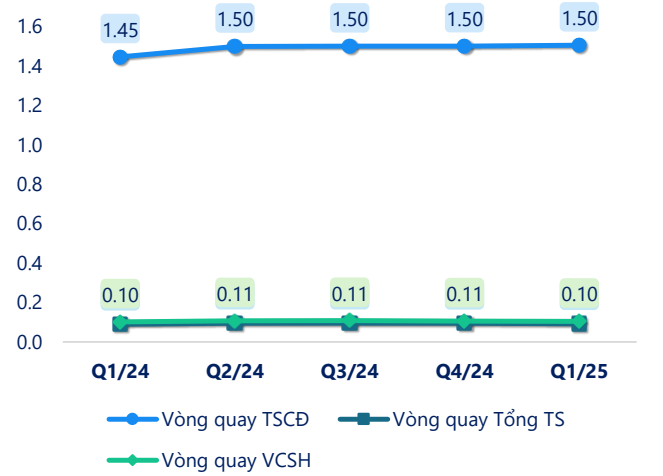
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**241**	**235**	**234**	**232**	**235**
Tài sản ngắn hạn	**69.5**	**67.6**	**74.5**	**74.4**	**77.8**
Tiền và tương đương tiền	2.18	0.90	2.39	1.89	3.31
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.00	0.00	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	54.9	54.0	58.9	61.6	63.5
Hàng tồn kho	0.01	0	0	0	0
Tài sản ngắn hạn khác	12.4	12.7	13.2	10.9	11.0
Tài sản dài hạn	**171**	**167**	**160**	**157**	**157**
Phải thu dài hạn	66.0	63.5	61.1	58.6	56.2
Tài sản cố định	14.9	14.7	14.7	14.5	14.3
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	51.2	49.6	49.7	50.3	52.5
Đầu tư tài chính dài hạn	39.1	39.1	34.1	34.1	34.1
Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0	0
Lợi thế thương mại	0.07	0.06	0.06	0.05	0.05
Nợ phải trả	**30.2**	**27.2**	**27.0**	**24.1**	**23.5**
Nợ ngắn hạn	**30.2**	**27.2**	**27.0**	**24.1**	**23.5**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	8.30	5.46	5.45	5.39	5.39
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**211**	**207**	**207**	**208**	**211**
Vốn chủ sở hữu	**211**	**207**	**207**	**208**	**211**
Vốn điều lệ	315	315	315	315	315
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)